

BỘ THƯƠNG MẠI - TỔNG CỤC HẢI QUAN

THÔNG TƯ liên tịch số 22/2001/TTLT-BTM-TCHQ ngày 02/10/2001 điều chỉnh, bổ sung Thông tư liên tịch số 09/2000/TTLT/BTM-TCHQ ngày 17/4/2000 về hướng dẫn việc kiểm tra xuất xứ hàng hóa.

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20 tháng 2 năm 1990;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6275/BKH-QLDA ngày 11/10/2000;

Để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nhập khẩu theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước ngoài về chế độ tối huệ quốc;

Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan thống nhất điều chỉnh một số quy định về kiểm tra xuất xứ hàng hóa nhập khẩu được quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2000/TTLT/BTM-TCHQ ngày 17/4/2000 như sau:

1. Điều chỉnh khoản 1 Mục II về cơ quan có thẩm quyền cấp C/O của Việt Nam:

a) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) do cơ quan hoặc tổ chức được Chính phủ chỉ định cấp.

b) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) đối với hàng hóa sản xuất tại các khu công nghiệp, khu chế xuất do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất cấp theo ủy quyền của cơ quan được Chính phủ chỉ định.

2. Hủy bỏ khoản 2, khoản 4 Mục II; khoản 3 Mục II được sửa đổi như sau:

2. Kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xứ.

Miễn kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xứ đối với hàng xuất khẩu. Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm với đối tác về xuất xứ hàng hóa theo hợp đồng mua bán giữa hai bên.

3. Bổ sung điểm f khoản 2 Mục III về những trường hợp không phải xuất trình C/O nhập khẩu:

f) Các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa (không bao gồm máy móc, thiết bị hoặc phương tiện vận chuyển) có xuất xứ từ các nước mà Việt Nam giành chế độ đãi ngộ tối huệ quốc (MFN), có hợp đồng mua bán dài hạn từ 6 tháng trở lên thì chỉ phải xuất trình với cơ quan hải quan Giấy chứng nhận xuất xứ cho lần nhập khẩu đầu tiên. Các lô hàng tiếp theo cùng chủng loại thuộc hợp đồng nêu trên, doanh nghiệp không cần xuất trình Giấy chứng nhận xuất xứ, nhưng phải cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về gian lận xuất xứ. Trường hợp Hải quan phát hiện thấy có gian lận về Giấy chứng nhận xuất xứ thì toàn bộ lô hàng bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Sửa đổi điểm a khoản 4 Mục III về thể thức và mẫu C/O:

a) C/O nộp cho Hải quan phải là bản chính và có các nội dung cơ bản như sau:

- Tên, địa chỉ người xuất khẩu; nước xuất khẩu;

- Tên, địa chỉ người nhập khẩu; nước nhập khẩu;

- Chủng loại hàng hóa, số lượng hoặc trọng lượng;

- Xuất xứ của hàng hóa;

- Tổ chức cấp C/O (tên, ngày, tháng, năm cấp, dấu).

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoul *
065532

Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng Bộ Thương mại

Thủ trưởng

MAI VĂN DẦU

KT. Tổng Cục trưởng Tổng cục Hải quan

Phó Tổng Cục trưởng

DẶNG VĂN TẠO

BỘ CÔNG NGHIỆP

THÔNG TƯ số 07/2001/TT-BCN ngày 11/9/2001 hướng dẫn thực hiện một số nội dung kỹ thuật quy định tại Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp;

Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện một số nội dung kỹ thuật quy định tại Nghị định số 54/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp (sau đây gọi là Nghị định số 54/CP) như sau:

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật và mục đích sử dụng dây bọc.

a) Dây bọc là dây dẫn điện chuyên dùng cho đường dây trên không, được bọc lớp cách điện phù hợp với cấp điện áp sử dụng. Điện trở cách điện của lớp vỏ bọc không được nhỏ hơn trị số sau:

Điện áp (KV)	Đến 6	10	15	22	35
Điện trở cách điện (MΩ)	6	10	15	22	35

b) Dây bọc được sử dụng nhằm mục đích giảm chiều rộng hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, giảm số lượng cây xanh phải chặt tía khi đưa lưới điện cao áp vào sâu trung tâm thành phố, thị trấn, thị xã (sau đây gọi tắt là thành phố).

c) Dây bọc phải được mắc từng pha trên sứ cách điện như đối với dây trần.

d) Dây bọc có thể được sử dụng để đi trên toàn tuyến hoặc kết hợp với dây trần để đi trên một vài khoảng cột cần thiết.

đ) Dây bọc được thay khi cách điện của lớp vỏ bọc có hiện tượng lão hóa, không chống được sự cố chạm đất do cây xanh va đập vào dây dẫn.

2. Đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền.

a) Đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 2 Nghị định số 54/CP là tổ chức kinh tế có đủ điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Đối với hệ thống điện quốc gia, đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền là các Công ty truyền tải điện, Công ty Điện lực và Điện lực tỉnh được Tổng công ty Điện lực Việt Nam giao nhiệm vụ quản lý vận hành lưới điện trên địa bàn tỉnh, thành phố đó.

- Các tổ chức kinh tế khác có đủ các điều kiện hoạt động điện lực theo quy định của pháp luật là đơn vị quản lý lưới điện cao áp có thẩm quyền trong phạm vi lưới điện của mình.

b) Tổ chức có tài sản là công trình đường dây cao áp, trạm biến áp chuyên dùng nhưng không